

Mẫu số: D21-THADS

(Ban hành theo Thông tư số 04 /2023/TT-BTP ngày
14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 607/TB-THADS-KV2

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022);

Căn cứ Bản án số 07/2021/KDTM-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 09/2021/TB-TA ngày 09/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, thành phố Hà Nội);

Căn cứ Thông báo về việc giải thích bản án số 198/2021/TB-TA ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 09/QĐ-CCTHADS ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là Phòng THADS Khu vực 7, thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định về việc uỷ thác xử lý tài sản số 31/QĐ-CCTHADS ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là Phòng THADS Khu vực 7, thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định về việc xử lý tài sản uỷ thác số 01/QĐ-CCTHADS ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên);

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 25/QĐ-THADS-KV2 ngày 30/10/2025 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 03/QĐ-THADS-KV2 ngày 04/11/2025 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Biên bản về việc không thoả thuận được về giá tài sản kê biên và không thoả thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá ngày 30/12/2025 của Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên.

Do đương sự không thoả thuận được về giá và không thoả thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá, Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2,

tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: tổ dân phố số 4, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên cần lựa chọn tổ chức thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản đã kê biên để bảo đảm thi hành án, như sau:

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án nhà máy đúc gang thép hợp kim, đúc phôi, đúc khuôn dập vỏ động cơ hộp số (được hình thành từ vốn góp tự có và vốn vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam), giấy chứng nhận đầu tư số 17221000044 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/8/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2009/HĐTCTSHTTTVV ngày 14/12/2009 ký giữa Công ty cổ phần Ô tô Xuân Kiên Vinaxuki và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ) của **Công ty cổ phần Ô tô Xuân Kiên Vinaxuki**, địa chỉ: Thôn Do Thượng, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là thôn Do Thượng, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội). Gồm các tài sản sau:

1. Nhà xưởng sản xuất đã qua sử dụng (theo hồ sơ thế chấp đây là nhà xưởng sản xuất số 1, 2, 3 liền nhau, không tách rời): Hiện trạng: Có kết cấu khung thép, mái lợp tôn, tường bao phía dưới xây gạch chỉ cao 3,15m x dài 332,01m, phía trên thung tôn, trong nhà xưởng có các ô tường bằng tôn (09 khoang), tổng chiều dài 45,22m; tổng diện tích xây dựng là 7.814,4m², được giới hạn bởi các chỉ số 15 đến 46, 15. Nhà xưởng sắt thép đã rỉ, cũ hỏng, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Trên nhà xưởng có mái vẩy bằng tôn, khung thép, có tường bao cao 3,15m x dài 123,83m, tổng diện tích mái vẩy là 425,7m², được giới hạn bởi các chỉ số 15, 53, 54, 57, 58, 61, 62, 15. Mái tôn đã cũ, rỉ, lâu ngày, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Trên tường nhà xưởng có mái vẩy bằng tôn, khung thép, không có tường bao, tổng diện tích xây dựng 531,5m², được giới hạn bởi các chỉ số 16 đến 30, 67 về 62, 16. Mái tôn đã cũ, rỉ, lâu ngày, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

- Nền bê tông, có 02 đường ray để đẩy xe goòng, dưới là hệ thống cống thoát nước mái nhà xưởng, chạy theo đường ray và 04 ống thoát nước bằng nhựa, đường kính khoảng 20cm. Xây dựng năm 2009.

- Trong nhà xưởng có các dây cáp đồng nối từ các trạm biến áp vào nhà xưởng. Các dây cáp lâu không sử dụng, cũ.

2. 01 nhà 02 tầng (nhà điều hành): Tường xây 20, có trát, có sơn, nền lát gạch men, mái tầng 1 đổ bê tông, cốt thép, mái tầng 2 lợp tôn, cầu thang ngoài trời bằng sắt, cửa ra vào là cửa nhôm kính, tổng diện tích xây dựng 71,8m². Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

3. Nhà cấp 4 (nhà ăn): Tường xây 20, có trát, có sơn, mái lợp tôn, khung sắt, nền lát gạch men, có 02 cửa ra vào là cửa sắt, 03 cửa sổ là cửa sắt, tổng diện tích xây dựng 322,2m². Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

4. 04 trạm biến áp đã qua sử dụng, cũ, bỏ không, lâu không sử dụng, cụ thể:

- Trạm biến áp số 1: 1500KVA-35/22-0,4KV gồm có: Cầu dao, 01 bộ 3 pha, sứ đứng 15 quả; Cầu trì SI, 01 bộ 3 pha, TU 01 bộ 3 quả, TI 01 bộ 3 quả, máy biến áp 01 chiếc, cột ly tâm 02 cột 14m, CSV 01 bộ 3 quả.

- Trạm biến áp số 2: Thông số giống thông số trạm biến áp số 1 gồm: 1500KVA-35/22-0,4KV gồm có: Cầu dao, 01 bộ 3 pha, sứ đứng 15 quả; Cầu trì SI, 01 bộ 3 pha, TU 01 bộ 3 quả, TI 01 bộ 3 quả, máy biến áp 01 chiếc, cột ly tâm 02 cột 14m, CSV 01 bộ 3 quả.

- Trạm biến áp số 3: Thông số giống thông số trạm biến áp số 1 và trạm biến áp số 2. Tuy nhiên, trạm biến áp số 3 không có cầu trì 3 pha, có máy cắt trung thế 35KV, không có thanh cái đầu.

- Trạm biến áp số 4: Có 36 quả sứ 35KV, 6 cột ly tâm 14m; 01 bộ cầu dao 3 pha, 01 bộ cầu trì SI hỏng không có ống chì, 01 máy biến áp 320 KVA - 35 (22) - 0,4KV - không có thanh cái, 01 bộ sàn thao tác trạm biến áp, cáp ngầm...

Tài sản ngoài trạm biến áp có 02 cột ly tâm 14m, 12 quả sứ.

Vị trí cột nhánh rẽ, tổng số có 4 cột + 01 bộ cầu dao 3 pha (tại cột số 1 nhánh rẽ Vinaxuki). Sứ đứng 18 quả, dây cáp AC 70-95, chiều dài khoảng 100m².

Toàn bộ các thiết bị, hệ thống điện đã không vận hành, không sử dụng từ lâu.

5. 07 tủ biến tần của Trạm biến thế. Không sử dụng, cũ hỏng, xuống cấp. Lắp đặt năm 2009.

6. 01 tủ điện. Không sử dụng, cũ hỏng, xuống cấp. Lắp đặt năm 2009.

7. Tường rào xây gạch chỉ D220 kết hợp cột bê tông cốt thép, kích thước cao 2,54m x dài 540,25m = 1.372m², đã cũ, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

8. 01 cổng sắt kéo có chiều dài 4m, day trượt có diện tích 18,4m², đã han rỉ, cũ, xuống cấp.

9. 01 nhà bảo vệ 01 tầng: xây gạch chỉ D110, mái lợp tôn, tổng diện tích 6,0 m², đã cũ hỏng, bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

10. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng 17,8m², được giới hạn bởi các chỉ số 43, 44, 47, 48, 43. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

11. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng 36,5m², được giới hạn bởi các chỉ số 39, 40, 49, 50, 39. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

12. 01 nhà 01 tầng (để tủ điện của trạm biến áp): tường xây 20, mái bê tông, cốt thép, diện tích xây dựng $18,5\text{m}^2$, được giới hạn bởi các chỉ số 35, 36, 51, 52, 35. Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

13. Sân bê tông có tổng diện tích xây dựng $1.230,2\text{m}^2$. Hiện trạng: nền sân đã cũ, hỏng, bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

14. Nhà vệ sinh diện tích $7,2\text{m}^2$, mái lợp tôn. Hiện trạng: Đã hỏng, xuống cấp, không sử dụng được. Xây dựng năm 2009.

15. Bể nước, tổng diện tích xây dựng $63,9\text{m}^2$. Đã cũ, xuống cấp, bỏ không. Xây dựng năm 2009.

16. Nhà mái tôn: Mái tôn, khung sắt, xây quây tôn, tổng diện tích xây dựng $88,6\text{m}^2$. Hiện trạng: Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

17. Nhà chứa máy: Mái tôn, khung sắt, tường xây 20, nền bê tông, diện tích $132,3\text{m}^2$. Hiện trạng: Không sử dụng, cũ hỏng, sơn đã bong tróc, xuống cấp. Xây dựng năm 2009.

18. 01 hệ thống ống khói: Kết cấu khung thép hộp, có 01 ống khói hình tròn cao 8,0m, tình trạng xuống cấp, han rỉ, diện tích $25,0\text{m}^2$. Hiện trạng: Đã cũ, xuống cấp, thép han rỉ.

19. 01 trạm điện, diện tích xây dựng $18,7\text{m}^2$. Hiện trạng: Đã cũ, xuống cấp, không sử dụng.

20. Lò luyện trung tần dung, dung điện KPS - 3000- 0,5 (5T), hiện trạng tài sản đã cũ, đã qua sử dụng, hệ thống không hoạt động. Sản xuất khoảng năm 2011. Gồm:

- 01 tủ điều khiển, trên tem, nhãn (bằng tiếng nước ngoài) thể hiện thông số kỹ thuật: KGPS-3000-0,5 850V 3000KW 500hz 2009-09.

- 02 nồi nấu, thông số kỹ thuật:

+ Nồi nấu số 1: KGPS 3000KW 500Hz 5000kg 3200V 2009-10.

+ Nồi nấu số 2: KGPS 3000KW 500Hz 5000kg 3200V 2009-10.

Hệ thống làm mát của Lò luyện trung tần dung, dung điện KPS - 3000- 0,5 (5T), hiện trạng tài sản đã cũ, hệ thống không hoạt động.

Gồm 02 dàn:

+ Dàn 1: FBN (H) - 50T 4,5kw 50m³/h SWL10022501 2010-06.

+ Dàn 2: FBN (H) - 150T 16kw 150m³/h SWL10022502 2010-06.

21. 04 sàn đựng phế liệu, khung thép, mặt sàn bằng thép, có cầu thang bằng sắt đi lên sàn, diện tích khoảng $70\text{m}^2/01$ sàn. Hiện trạng: Khung thép đã han rỉ, xuống cấp, cũ hỏng, xây dựng năm 2009.

22. 01 khung sắt để đồ, cao 2m, khung rộng khoảng 20m. Hiện trạng: Khung sắt đã han rỉ, xuống cấp, cũ hỏng.

Các hạng mục công trình trên đã ngừng hoạt động từ lâu, cũ, xuống cấp và tọa lạc tại Khu B - KCN Nam Phổ Yên, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Khu B - KCN Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên).

(Chi tiết theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 30/12/2025 của Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên).

Vậy, thông báo để các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên biết, đăng ký.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Văn bản tham gia ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.
2. Hồ sơ năng lực của tổ chức thẩm định giá (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp; Giấy đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Thẩm định giá, dịch vụ công ty cung cấp...).
3. Biểu phí thẩm định giá.
4. Các tài liệu chứng minh số lượng thẩm định giá viên.
5. Hồ sơ đã thẩm định tài sản cùng loại với tài sản kê biên.

Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc bản sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành.

Tiêu chí lựa chọn Tổ chức Thẩm định giá:

- Năng lực, kinh nghiệm, uy tín;

Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo theo yêu cầu của pháp luật về Thẩm định giá;

- Chi phí thẩm định giá hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- Có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật về Thẩm định giá, đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Thẩm định giá, có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề Thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố.

(Cơ quan Thi hành án không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức Thẩm định giá tài sản không được lựa chọn).

Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 05 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 07 tháng 01 năm 2026 (trong giờ hành chính).

Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên (Bộ phận văn thư).

- SĐT liên hệ: 0987.636.094

Địa chỉ nộp hồ sơ: tổ dân phố số 4, phường Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục QLTHADS - BTP;
- Trang TTĐT THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Thị Luyến